

HÌNH ẢNH NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 1945-1975: PHÂN TÍCH TỪ CÁCH TIẾP CẬN GIỚI

NGUYỄN TRỌNG NHÂN*, NGUYỄN NỮ NGUYỆT ANH**

Tóm tắt: Hình ảnh người phụ nữ đã xuất hiện trong các tác phẩm văn chương Việt Nam từ thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, đến thế kỷ XX hình ảnh người phụ nữ mới có sự những đột phá do sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. Lúc bấy giờ, vấn đề phụ nữ được đặt bên cạnh những vấn đề xã hội khác. Bài viết này áp dụng phương pháp phân tích tài liệu, cụ thể là phân tích nội dung để mô tả những đặc điểm nổi bật của người phụ nữ Việt Nam được thể hiện trong tác phẩm văn xuôi tiêu biểu trong giai đoạn 1945-1975, đây là thời kỳ lịch sử quan trọng tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng văn chương của giới văn sĩ Việt Nam và phân tích ảnh hưởng của bối cảnh từng thời kỳ đến việc xây dựng hình tượng về người phụ nữ dưới lăng kính giới. Kết quả phân tích cho thấy hình ảnh của người phụ nữ được khắc họa bị chi phối sâu sắc bởi kiến tạo xã hội về giới và điều kiện lịch sử.

Từ khóa: Giới, phụ nữ, tính nữ, văn xuôi tiêu biểu giai đoạn 1945-1975.

IMAGES OF WOMEN IN VIETNAMESE TYPICAL LITERATURE IN THE PERIOD OF 1945-1975 FROM A GENDER APPROACH

Abstract: Since the 18th century, women have been depicted in Vietnamese literature. However, strongly influenced by Confucian thought, the image of women did not advance until the twentieth century. Women's issues were discussed at that time together with other societal issues. This paper employs document analysis method, more especially content analysis, to identify the standout traits of Vietnamese women as they are expressed in popular prose works from the years 1945 to 1975. The literary idea of Vietnamese writers undergoes important changes as a result of significant historical passages, which also evaluate the impact of each period's context on the construction of the image of women under the lens of gender. The findings demonstrate how social construction on gender and social and historical circumstances have shaped the portraits of women.

Keywords: Gender, woman, femininity, outstanding prose in the period between 1945 and 1975.

* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài: 17/5/2023; Ngày phản biện: 05/09/2023; Ngày duyệt đăng: 29/02/2024

1. Đặt vấn đề

Trong toàn cảnh của sáng tác văn học từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII, hầu hết các nhân vật chính thể hiện mẫu người lý tưởng như người anh hùng vệ quốc, các thiên sư hành đạo cứu người, những nhà nho kinh bang tế thế, và nhiều ẩn sĩ thanh bạch ái ưu. Đến các thế kỷ XVI-XVII, một số hình tượng nhân vật nữ xuất hiện tạo được ấn tượng với độc giả (Nguyễn Thị Chiến, 1993, tr. 22).

Trong văn học Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX, nhân vật nữ thường được mô tả như một dạng thức nhân vật nổi trội, đặc biệt là trong thể loại văn xuôi. Ở giai đoạn này, dù xuất hiện với vai trò chính hay phụ, điểm chung của các nhân vật nữ đều được khắc họa bằng những số phận chịu nhiều sự đối xử khắc nghiệt trong bối cảnh của một xã hội nam quyền. Lúc bấy giờ, chân dung người phụ nữ thường gắn liền hoặc để chứng minh cho những phẩm chất: tam tòng – tứ đức, trung trinh tiết liệt, thủy chung - vốn là những sản phẩm mà nền văn hóa Nho giáo lâu đời luôn đề cao nơi họ. Những người phụ nữ trong các tác phẩm thuộc giai đoạn này hầu như không thể cất tiếng nói của mình (Nguyễn Thị Hoàng Mai, 2021).

Dưới góc độ nghiên cứu của lĩnh vực xã hội học, nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc từng khẳng định sự ra đời của một trào lưu “nhân đạo chủ nghĩa” trong văn học giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX và một trong những nội dung quan trọng là nhu cầu giải phóng tình cảm gắn liền với “sự xuất hiện của hình ảnh người phụ nữ trong văn học”, đặc biệt nhấn mạnh đến hình ảnh người phụ nữ không chỉ gắn với đau khổ mà còn là những con người “có tài, có tình, có ý chí và có nghị lực”, dám sống với những tình cảm tự nhiên của mình. Song song đó, sau khi tổng hợp các tác phẩm có đề cập đến người phụ nữ, ông nhận thấy rằng chưa bao giờ văn học lại mô tả nhiều về phụ nữ như giai đoạn này và hình ảnh người phụ nữ là hình ảnh thành công nhất trong văn học nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX (Nguyễn Lộc, 2007). Nhân vật nữ được nhắc đến trên một phổ khá rộng, ngoài tác phẩm của Nguyễn Du, Phạm Thái, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Đình Hồ, Ninh Tốn, Lý Văn Phức, Cao Bá Quát, còn có các truyện Nôm bình dân. Người phụ nữ trong văn học giai đoạn này thuộc các tầng lớp khác nhau, nhưng không còn chỉ là mẫu hình của lễ giáo phong kiến (Nguyễn Trà My, 2009).

Bước sang thế kỷ XX, những vấn đề của người phụ nữ mới dần được đặt ra và xem xét như những “vấn đề” của xã hội. Mặc dù thoát đầu, những điều được đề cập đến thông qua lĩnh vực báo chí, sau đó mới được miêu tả và phân tích trong các tác phẩm văn học. Đây là hai mặt trận luôn sát cánh và tương hỗ lẫn nhau. Tiếng nói của người phụ nữ lần đầu tiên được chính thức vang lên vào năm 1918, khi tờ báo Nữ giới chung (Tiếng chuông của nữ giới) của nữ chủ bút Sương Nguyệt Anh (1864-1921), tên thật là Nguyễn Thị Khuê, là một nhà thơ và là chủ bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Tờ báo Nữ giới chung do bà phụ trách là tờ báo đầu tiên của phụ nữ được xuất bản ở Sài Gòn đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội, đòi quyền bình đẳng cho nữ giới (hay còn gọi là nam nữ bình quyền), lấy những tấm gương sáng của phụ nữ hiện đại Tây Âu để khuyến khích những người phụ nữ đấu tranh. Tiếp nối tờ Nữ giới chung, hàng loạt dòng báo theo trào lưu phản ánh tiếng nói phụ nữ ra đời như: Phụ nữ tân văn, Phụ nữ

thời đàm, Phụ nữ tân tiến, Đàn bà mới, cùng với đó là hàng loạt những tên tuổi nổi bật viết về phụ nữ như Đạm Phương nữ sử (1881-1947), Huỳnh Thị Bảo Hòa (1896-1982), Phan Thị Bạch Vân (1903-) với Nữ lưu thư quán ở Nam Kỳ, hay những bậc nữ lưu tiến bộ thời bấy giờ ở Trung Kỳ đều viết về phụ nữ. Vấn đề phụ nữ lúc này được xem là vấn đề quan trọng trong những vấn đề xã hội. Cũng ở giai đoạn này, không chỉ có những chủ bút là phụ nữ đứng lên kêu gọi quyền bình đẳng cho họ, mà chính những cây bút nam cũng lên tiếng bênh vực nữ giới (Nguyễn Thị Hoàng Mai, 2021, tr. 1192).

Tóm lại, hình ảnh người phụ nữ đã xuất hiện trong văn chương Việt Nam từ thế kỷ XVIII; tuy nhiên, đến thế kỷ XX những phân tích về họ mới có những đột phá và dần thoát ra khỏi được “cái bóng của Nho giáo” (Nguyễn Thị Hoàng Mai, 2021). Những người theo quan điểm khác biệt giới do kiến tạo xã hội về giới cho rằng những đặc điểm hành vi là do học hỏi và tiếp nhận từ văn hóa. Do vậy, giới là do xã hội kiến tạo nên trong quá trình tương tác Mai Huy Bích (2009). Bài viết phân tích những khác biệt trong hình tượng của người phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỷ XX so với các thời kỳ trước. Cụ thể hơn, bài viết mô tả về những đặc điểm nổi bật của người phụ nữ Việt Nam thể hiện trong tác phẩm văn xuôi tiêu biểu trong giai đoạn 1945–1975 (giai đoạn tạo nên những biến chuyển mạnh mẽ trong tư tưởng văn chương của giới văn sĩ Việt Nam) và phân tích ảnh hưởng của bối cảnh từng thời kỳ đến việc xây dựng hình tượng về người phụ nữ dưới lăng kính giới, dựa trên quan điểm giới do kiến tạo xã hội trong quá trình tương tác giữa cá nhân với cá nhân và giữa các cá nhân với cấu trúc xã hội.

2. Lý thuyết tiếp cận

Theo Nguyễn Xuân Nghĩa (2016), giới chỉ những đặc điểm mà xã hội hoặc các nền văn hóa gán cho nam giới và nữ giới, hay nói cách khác giới là những ứng xử được xem là thích hợp mà mỗi xã hội, văn hóa mong chờ đối với từng giới tính. Những quy định và kỳ vọng của xã hội về giới được tạo ra và được truyền tải thông qua quá trình tương tác giữa các cá nhân hay các nhóm người trong xã hội. Từ đây, những quan niệm hay sự đối xử với người nam hay người nữ cũng có sự phân biệt. Bài viết này sử dụng kỹ thuật phân tích nội dung (content analysis) và áp dụng lý thuyết tương tác biểu tượng cùng với lý thuyết kiến tạo về giới để giải thích về cách xây dựng chân dung người phụ nữ trong các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu trong giai đoạn 1945-1975. Chính ảnh hưởng của văn hóa đã ăn sâu và hình thành sự nhận thức về giới, khiến các tác giả đề cao sự đóng góp không nhỏ của phụ nữ trong việc duy trì, củng cố hoặc làm thay đổi lịch sử.

Lý thuyết tương tác - biểu tượng, gắn liền với nhiều tên tuổi lớn của Xã hội học như Mead, E. Goffman và Becker. Luận điểm quan trọng của thuyết tương tác biểu tượng là sự công nhận ý nghĩa ảnh hưởng qua lại giữa cấu trúc xã hội (vĩ mô) - được xác định là quá trình và thói quen hoặc hình thức tác động qua lại - và cá nhân (vi mô) (Hoàng Bá Thịnh, 2004). Quá trình tương tác này lại chịu sự chi phối của các quy tắc, biểu tượng, các ký hiệu và bộc lộ thông qua ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ, điệu bộ và suy nghĩ... trong quá trình giao tiếp (Lê Thị Thục, 2014).

Khi áp dụng lý thuyết tương tác biểu tượng và phân tích vấn đề dưới lăng kính giới, hình ảnh người phụ nữ trong các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu giai đoạn 1945 - 1975 chính là sản phẩm của quá trình tương tác giữa các cá nhân, nhóm người trong toàn bộ cấu trúc xã hội. Nói cách khác, hình ảnh người phụ nữ xuất hiện trong các tác phẩm chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử, các định kiến xã hội và hệ thống các chuẩn mực dành cho nữ giới, hệ quả của quá trình tương tác và phân chia vai trò của nam và nữ giới trong xã hội.

3. Phương pháp phân tích nội dung

Có nhiều cách hiểu về phương pháp phân tích nội dung được đưa ra. Nguyễn Xuân Nghĩa (2019) đã tổng hợp và giới thiệu một số phát biểu được đề xuất bởi các tác giả khác nhau như B. Berelson, Max Weber và Alston và Bowles. Các tác giả này cho rằng phân tích nội dung là phương pháp phân tích khách quan, hệ thống và nếu có thể - mang tính định lượng - về một tập hợp thông tin (có thể là văn bản) để từ đó rút ra cái ý nghĩa mà mục tiêu nghiên cứu nhằm tới (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2019, tr.193).

Trần Hữu Quang (2022) sử dụng thuật ngữ phương pháp phân tích nội dung theo tín hiệu học, theo đó phương pháp này phân tích những nội dung mang tính chất định tính, nhằm tìm hiểu những mối quan hệ bên trong giữa các yếu tố trong một văn bản hay trong một hệ thống tín hiệu nào đó. Áp dụng các quan điểm về kỹ thuật phân tích nội dung tín hiệu học vào bài viết, chúng tôi chọn các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu giai đoạn 1945 - 1975, dựa vào nội dung và thông điệp của các tác phẩm được thể hiện thông qua nhân vật chính là nữ và liên kết chúng lại với nhau thành các chủ đề.

Các tác phẩm được chọn dựa vào các yếu tố: (1) các tác phẩm văn xuôi viết về hình ảnh người phụ nữ trong giai đoạn 1945 - 1975; (2) được giảng dạy trong sách giáo khoa của chương trình phổ thông; (3) được chuyển thể thành các loại hình nghệ thuật khác phổ biến đến công chúng; và (4) được độc giả quan tâm và yêu thích. Như vậy, tính chất phổ biến của các tác phẩm là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc lựa chọn các mẫu để phân tích. Chính vì vậy, các tác giả tạm gọi là các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu.

4. Hình ảnh người phụ nữ và các yếu tố tác động đến việc xây dựng những hình ảnh này

Sự kiện đánh dấu sự khai sinh một kỷ nguyên mới trong nền văn học Việt Nam là chiến thắng vang dội của Cách mạng Tháng tám năm 1945. Chính dấu mốc lịch sử quan trọng này đã tạo nên những tiền đề cho sự ra đời của một chương mới trong nền văn học, gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn này, nhiều nhà văn đồng thời là chiến sĩ. Thời kỳ đầu của nền văn học giai đoạn từ năm 1945-1954 phản ánh không khí hờ hởi, hân hoan của dân tộc khi đất nước giành được độc lập và cuộc kháng chiến chống Pháp. Các tác phẩm văn chương gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến. Văn học giai đoạn này tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, đáng chú ý nhất là sự chú trọng đến việc phân tích những người phụ nữ.

Đặc trưng của nền văn học 1945-1975 hoàn toàn trái ngược với các giai đoạn trước đó. Chủ đề của các tác phẩm trong giai đoạn này bước đầu phản ánh những tư tưởng mới xuất hiện như đấu tranh giải phóng cá nhân (trong đó có giải phóng người phụ nữ), nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật; tiêu biểu là các tác phẩm của Khải Hưng và Nhất Linh trong Tự Lực văn đoàn. Hình ảnh người phụ nữ được xây dựng một cách độc đáo và rất hiện thực. Một mặt, họ là đại diện cho phụ nữ của các xã hội cũ, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi giáo lý Nho giáo; mặt khác, hình ảnh của họ bị ảnh hưởng hình ảnh những người phụ nữ Tây phương “tân thời”.

Tiếp nối tư tưởng giải phóng cá nhân của các tác giả nhóm Tự Lực văn đoàn, các tác giả tiếp tục khắc họa hình ảnh người phụ nữ nổi bật lên trong tác phẩm của họ dưới những số phận éo le, mảnh đời bi thảm và đầy khổ đau. Thông qua đó, các tác giả thể hiện nỗi trăn trở của mình với hiện thực xã hội và số phận của con người đương đại. Một số tác phẩm tiêu biểu của dòng tư tưởng này như Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài, sáng tác năm 1952; Vợ nhặt của Kim Lân, sáng tác năm 1962; Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam, sáng tác năm 1962, Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi, sáng tác năm 1965, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi, sáng tác năm 1966.

Tiêu biểu cho bút pháp khắc họa vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ thông qua những hoàn cảnh khốn cùng nhất là nhà văn Kim Lân và nhân vật Thị trong tác phẩm *Vợ nhặt* (2020). Hình ảnh người đàn bà hiện lên một cách đáng thương đến tột cùng. Thị - vợ Tràng - là một người đàn bà không tên, không tuổi, không quê quán, không gia đình, và cũng không một ai biết Thị từ đâu đến. Cái hoàn cảnh khốn khổ của Thị cũng chính là hoàn cảnh chung của rất nhiều người nông dân trong nạn đói thế kỷ năm 1945 ở miền Bắc - tại thời điểm mà “kiếp người rẻ rúng như cọng rơm cọng rác nhặt ngoài đường”. Không những thế, ở Thị, người ta còn thấy sự hội tụ đủ những điều bất hạnh của một người đàn bà: không có một nhan sắc xinh đẹp, và cái đói khổ lại càng làm cho sự xấu xí ấy thêm phần thảm hại “áo quần tả tơi như tổ đũa”, “trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”, rồi “cái ngực gầy lép nhô lên” và “hai con mắt trũng hoáy”.

Mặc dù cái đói đã khiến thị tàn tạ, xơ xác, và xấu xí trong mắt người đời, nhưng thông qua nhân vật này, nhà văn Kim Lân đã gửi gắm đến độc giả những hình ảnh ẩn dụ sâu trong là những phẩm chất tốt đẹp, đáng quý của một người phụ nữ Việt Nam. Đầu tiên là hình ảnh của một người phụ nữ “e thẹn, rón rén” - đúng với dáng vẻ của một cô dâu ngày đầu bước về nhà chồng. Tiếp đến là nghệ thuật tương phản giữa vẻ ngoài đanh đá, sưng sía và một người đàn bà nhân nhện, tế nhị, đảm đang tháo vát. Thị “theo không” Tràng về làm vợ không đơn thuần là có được miếng ăn để thoát khỏi cái chết mà trong hoàn cảnh hiểm nghèo ấy, người phụ nữ vẫn tiềm ẩn khát khao sống, khát khao hạnh phúc và xa hơn là khát vọng đổi đời trong tương lai.

Bên cạnh vai trò của to lớn của những người đàn ông nông dân khốn khổ, thì người phụ nữ Nam Bộ cũng được nhà văn Sơn Nam đặc tả cùng với những phẩm chất vốn tưởng chừng chỉ thuộc về nam giới. Trong *Hương rừng Cà Mau* (2023), người mẹ, người chị trong tác phẩm của ông là những người nghĩa khí, thiết tha với cội nguồn và luôn muốn sống hòa đồng với thiên nhiên. Về sau, Hương rừng Cà Mau được chuyển thể thành phim truyền hình

Đất Phương Nam, công chúng lại thấy thêm khía cạnh khác của chị Út Trong - người con gái Nam Bộ dịu dàng, thùy mị, một người mẹ miền Nam hiền thực nhưng khắc khổ - bà Tám Luông, một người phụ nữ tuy hơi độc mồm độc miệng nhưng hiền lành và đơn giản như dì Tư Ủ, hay một cô đào Năm Xuân tài giỏi xinh đẹp.

Nhắc đến đề tài phân tích hình ảnh người phụ nữ Nam Bộ, người ta không thể quên một chị Chiến gai góc, kiên cường và sẵn sàng cầm súng để ra trận chống giặc nhưng cũng rất “con gái” trong tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của nhà văn Nguyễn Thi (2020). Ở chị Chiến, người ta nhìn thấy một cô gái trẻ mang trên mình những vẻ đẹp về tình cảm gia đình. Đối với má, Chiến không những thương má, mà luôn xem má như một tượng đài để học hỏi và phấn đấu theo. Đối với Việt - em trai ruột của Chiến, Chiến ra dáng một người chị lớn lo chu toàn mọi việc trong nhà, thậm chí là giành em ghi danh ra trận. Không những thế, Chiến còn mang vẻ đẹp của lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết tâm trả nợ nước thù nhà và vẻ đẹp đời thường đầy mơ mộng và trữ tình.

Nguyễn Thi tập trung xây dựng hình ảnh người phụ nữ kiên cường trong chiến đấu, thể hiện rõ nét thông qua nhân vật Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng* (2019). Người phụ nữ trong truyện ký này được khắc họa bằng những nét điển hình đẹp đẽ, dân tộc mà rất hiện đại. Út Tịch qua cây bút của Nguyễn Thi đã trở thành một người phụ nữ đúng nghĩa với câu nói “giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Giống như bao người phụ nữ Nam Bộ khác, chị Út cũng có gia đình, chị là một người phụ nữ thủy chung, một người mẹ chăm sóc những đứa con của mình chu đáo, chị vừa chăm sóc gia đình vừa tham gia chiến đấu. Chị Út Tịch không chỉ là một người phụ nữ đảm đang mà còn là hậu phương vững chắc, niềm tin tưởng lớn lao để cho chồng chị - anh Tịch - ra mặt trận. Chị Út thể hiện bản lĩnh gan dạ hiếm có khi chị tham gia kháng chiến và thông minh, đánh giặc rất linh hoạt, không thua kém gì “cánh mày râu”.

Khác với những tác phẩm đặc trưng văn hóa của miền đồng bằng, nhà văn Tô Hoài đã ngược lên vùng Tây Bắc để viết về số phận của người lao động nghèo ở miền núi dưới sự áp bức, bóc lột của thực dân, chúa đất và hình ảnh người phụ nữ được khắc họa thông qua nhân vật Mị trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (2020). Mị là một cô gái người dân tộc Mông có dung mạo xinh đẹp, chăm chỉ lao động, có tài thổi sáo, có hiếu với cha. Quan trọng hơn hết, Mị có sự yêu đời và yêu tự do. Thế nhưng, cuộc đời Mị lại phải gánh chịu bao đau thương trước các thế lực cường quyền tàn bạo, tưởng chừng cả đời Mị phải sống kiếp của một “con dâu gạt nợ” cho nhà thống lý Pá Tra bởi món nợ truyền kiếp của cha mẹ, bởi chế độ cho vay nặng lãi vô cùng ác độc của bọn chúa đất. Cuộc đời, số phận của một “nô lệ”, một “công cụ lao động biết nói nhưng không nói”, bắt đầu và cứ thế triển miên diễn ra trong không gian địa ngục nhà thống lý Pá Tra. Dần dần, nhân vật Mị mất hết ý niệm về thời gian, không gian: “Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ Mị tưởng mình cũng là con trâu con ngựa”, không nghĩ đến việc dùng lá ngón để tìm đến cái chết nữa, cũng không có ý định bỏ trốn khỏi cái nơi đã giam cầm tâm hồn Mị, đồng thời sự vô cảm trước mọi thứ diễn ra hằng ngày đã che lấp toàn bộ đi sức sống, sự yêu đời và yêu tự do trong một cô gái đôi mươi mà thay vào đó là sự lù lũi, âm thầm, cái cúi mặt buồn rười rượi. Bằng nghị lực phi thường và tác động của các yếu tố ngoại

cánh lặn nội tâm, My đã vượt lên trên “lễ cúng ma”, vượt lên trên lễ giáo vùng núi cao Tây Bắc để theo đuổi ước mơ tự do và sự hạnh phúc cho chính bản thân mình. Hành động My bỏ hết tất cả lễ giáo và bỏ trốn cùng A Phủ trong truyện ngắn này chính là sự giải thoát số phận con người khỏi cường quyền, thần quyền, là cách để họ giải phóng bản thân, là cách để họ tìm về con đường đấu tranh để giành lại tự do cho chính họ.

Nhìn chung, các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu thời kỳ này đã khắc họa số phận của các nhân vật nữ trong những hoàn cảnh tối tăm, khốn cùng khắc nghiệt của đời sống xã hội đương thời. Với cái nhìn nhân đạo và niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn con người, các nhà văn đã đặt người phụ nữ vào những tình huống, những hoàn cảnh cụ thể để thổi bùng lên sức sống tiềm tàng, khơi lên vẻ đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn họ. Mỗi chi tiết trong hoàn cảnh sống như một “chất xúc tác” quan trọng thổi đi lớp tro tàn để cho ngọn lửa sống trong tâm hồn người phụ nữ bùng lên (Nguyễn Thế Lượm, 2019).

Việc xây dựng hình ảnh người phụ nữ trong các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu giai đoạn 1945 - 1975 thể hiện khá rõ yếu tố giới và tính nữ trong văn chương (Phan Hồng Hạnh, 2008). Tính nữ (femininity) trong văn chương là đặc điểm và thiên hướng tư duy nghệ thuật chi phối cách thức tổ chức các tác phẩm mang bản sắc của phái nữ hoặc đề cao những phẩm chất và giá trị nơi người phụ nữ. Khuynh hướng này được thể hiện một cách sâu rộng và phổ biến, tạo thành nét đặc sắc cho nền văn học Việt Nam đương đại (Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2018). Trong lĩnh vực văn chương, khía cạnh giới được thể hiện khá rõ nét. Đây là một công cụ hữu hiệu để quan tâm đến các vấn đề giới phát cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng các quyền cho phụ nữ. Hoàn cảnh lịch sử đương thời đã giúp người phụ nữ Việt Nam khai mở cái tôi cá nhân của mình khẳng định vẻ đẹp, vai trò, thiên chức của mình và của tất cả những người phụ nữ như mình (Phạm Thị Thu Huyền, 2012).

Điểm cần lưu ý là, trong giai đoạn 1945-1975, hầu như sự hiện diện của người phụ nữ trong các tác phẩm văn đa phần được khắc họa dưới cây bút của các nam văn sĩ. Mặc dù hình ảnh người phụ nữ vẫn luôn xuất hiện trong một hoàn cảnh đáng thương, khắc nghiệt, nhưng không thể phủ nhận rằng ẩn sau hoàn cảnh đau khổ tột cùng đó, ngay cả các nam văn sĩ cũng muốn thể hiện ý thức đề cao và ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp từ trong tận sâu tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam.

Tóm lại, dù cho bối cảnh lịch sử giai đoạn 1945-1975 có nhiều thay đổi nhưng những tư tưởng, lễ giáo phong kiến vẫn ăn sâu vào nhận thức và chi phối đến các chuẩn mực đối với người phụ nữ. Bởi lẽ, sự phân chia vai trò giới trong giai đoạn này được thể hiện khá rõ rệt: nam giới tham gia vào kháng chiến, nữ giới trở thành hậu phương chăm sóc gia đình và tiếp tế cho mặt trận, trong đó văn chương cũng chính là một mặt trận sôi nổi.

5. Kết luận

Hình tượng “nhân vật nữ” trong các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu giai đoạn 1945-1975 có một sức sống tiềm tàng. Vẻ đẹp tâm hồn các nhân vật nữ luôn được ẩn dụ sâu sắc góp phần

làm nổi bật hình ảnh người phụ nữ trong dòng chảy của văn học Việt Nam nói chung: vừa mang tính truyền thống, vừa gắn với số phận và hoàn cảnh đương thời. Tuy nhiên, dù hoàn cảnh có khắc nghiệt, họ vẫn thể hiện nghị lực sống, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt. Việc khai thác vẻ đẹp tâm hồn các nhân vật nữ trong văn xuôi Việt Nam đã góp những tiếng nói nhân đạo sâu sắc, mới mẻ trong văn học Việt Nam. Thông qua đó, các nhà văn lên tiếng tố cáo đanh thép các thế lực tàn bạo đã chà đạp, áp bức, bóc lột, đẩy số phận người phụ nữ vào kiếp sống thê lương, làm bật lên giá trị nhân đạo của các tác phẩm.

Sự phân chia các vai trò trong gia đình và xã hội của người phụ nữ được thể hiện khá rõ nét ở các tác phẩm văn xuôi tiêu biểu giai đoạn này. Dù đặt người phụ nữ trong hoàn cảnh địa lý ở đồng bằng (như chị Út Tịch, chị Chiến, vợ Tràng, cô gái điếm) hay miền núi (như nhân vật Mị), dù trong kháng chiến hay trong thời bình, nam giới luôn đóng vai trò “tiên tuyến”, còn nữ giới phụ trách việc của “hậu phương”. Đây chính là sản phẩm của một quá trình mà hệ thống các chuẩn mực xã hội đã áp đặt lên người phụ nữ. Trong các mối tương tác xã hội và sự phân chia vai trò của nam giới và nữ giới, chăm sóc gia đình và thực hiện bốn phận của một người mẹ, người con dâu luôn là nghĩa vụ hàng đầu mà xã hội quy định nơi người phụ nữ. Sự bảo vệ người phụ nữ trước những định kiến giới trong bối cảnh đương thời còn hạn chế, nên ý thức giới của chính họ cũng ít có cơ hội được thể hiện mạnh mẽ, thấy rõ qua các tác phẩm văn học.

Do phạm vi thời gian của nghiên cứu này chỉ tập trung và phân tích hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975, giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay chưa được khai thác. Sau năm 1975, đặc biệt công cuộc Đổi mới đất nước (năm 1986) đã góp phần mở ra cơ hội dân chủ hóa xã hội, tái khẳng định giá trị cá nhân chi phối tới ý thức giới của các nhà văn, bao gồm các nhà văn nữ. Thông qua những cây bút nữ giai đoạn này, hình ảnh người phụ nữ dần được tách ra khỏi những mặc cảm thân phận và được đặt ngang vai trò với nam giới. Họ đã đóng góp đáng kể vào đổi mới cho nền văn học nước nhà bằng chính cái nhìn của nữ giới. Những nét đặc trưng của người phụ nữ trong các tác phẩm văn học cũng như thành công của những nhà văn nữ trong việc định vị vai trò của họ và trong mối quan hệ với nam giới cũng có thể trở thành một hướng nghiên cứu mới dành cho những ai quan tâm đến lĩnh vực giới gắn liền với các tác phẩm văn chương.

Tài liệu tham khảo

Ban Văn học Hội Khai trí Tiến Đức. (1954). *Việt Nam Tự điển*.

Đông Phương (2014). Như thế nào là “Tiết phụ”, “liệt phụ”, “trinh nữ” và “liệt nữ”?. Báo Lao động, lấy từ: <https://laodong.vn/archived/nhu-the-nao-la-tiet-phu-liet-phu-trinh-nu-va-liet-nu-688085.ldo>, truy cập ngày 30/4/2023.

Hoàng Bá Thịnh & Nguyễn Thị Hà (2004). *Một vài cách tiếp cận nghiên cứu giới trong xã hội học*. Đề tài cơ sở NCKH. CB. 01.38. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Kim Lân (2020). *Vợ nhặt. Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 (tập 2)*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam. (Sáng tác năm 1962).
- Lê Thị Thục (2014). Ứng dụng lý thuyết tương tác biểu trưng và lý thuyết xung đột trong nghiên cứu xã hội học về giới. *Tạp chí Xã hội học*, số 3, tr 87-93.
- Mai Huy Bích (2009). *Giáo trình xã hội học giới*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Lộc (2007). *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX)*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Thế Lượng (2019). Về đẹp của các nhân vật nữ trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Báo điện tử Giáo dục và Thời đại. Lấy từ: <https://giaoducthoidai.vn/ve-dep-cua-cac-nhan-vat-nu-trong-van-xuoi-viet-nam-hien-dai-post394704.html>, truy cập ngày 30/04/2023.
- Nguyễn Thị Chiến (1993). Hình tượng nhân vật phụ nữ trong văn học trước thế kỷ XVIII. *Tạp chí Khoa học – Đại học Tổng hợp Hà Nội*, số 3, tr.22-26.
- Nguyễn Thị Hoàng Mai. (2021). Hình tượng “nhân vật nữ nổi loạn” trong tiểu thuyết của Nhất Linh (thời kỳ Tự lực văn đoàn). *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*, 18(7).
- Nguyễn Thị Năm Hoàng (2018). Thiên tính nữ và góc nhìn giới tính trong văn chương Việt Nam đương đại. *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, số 61(4), tr.50 – 55
- Nguyễn Thi (2019). *Người mẹ cầm súng*. Nhà xuất bản Kim Đồng. (Sáng tác năm 1965).
- Nguyễn Thi (2020). *Những đứa con trong gia đình. Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 (tập 2)*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam. (Sáng tác năm 1966).
- Nguyễn Trà My (2009). *Vấn đề thân phận người phụ nữ trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX (qua một số tác phẩm tiêu biểu)*. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Nghĩa (2016). Giới, giới tính từ góc độ lý thuyết kiến tạo xã hội. *Tạp chí Giới và Xã hội*. Trung tâm nghiên cứu Giới và Xã hội Trường Đại học Hoa Sen Thành phố Hồ Chí Minh, số 3, tr. 13-26.
- Nguyễn Xuân Nghĩa (2019). *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*. Hà Nội: Nxb Thông tin và truyền thông.
- Phạm Thị Thu Huyền (2012). *Ý thức giới trong sáng tác văn xuôi nữ từ sau 1975* (Nguyễn Thị Thu Huệ, Trần Thùy Mai, Y Ban, Phạm Thị Hoài, Đỗ Hoàng Diệu). Luận văn thạc sĩ – ngành Văn học Việt Nam, Đại học Đà Nẵng.
- Phan Hồng Hạnh (2008). Thiên tính nữ trong các tác phẩm thơ của các nữ sĩ Việt Nam hiện đại. Luận văn Thạc sĩ – Ngành Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Sơn Nam (2023). *Hương rừng Cà Mau*. TP.HCM: Nxb Trẻ. (Sáng tác năm 1962).
- Tô Hoài (2020). *Vợ chồng A Phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 (tập 2)*. Hà Nội. Nxb Giáo dục Việt Nam. (Sáng tác năm 1952).
- Trần Hữu Quang (2020). *Xã hội học – Những viễn tượng lý thuyết*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.